TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HNGĐ - ST
Ngày 09-8-2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Tất – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tr, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, địa chỉ tại tổ 8, thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn V trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V ham chơi nên sa ngã vào tệ nạn xã hội và bị nghiện ma túy, chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi mà thường xuyên tụ tập sử dụng ma

túy, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên đầu năm 2015 chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó và không còn quan tâm đến tình cảm, cuộc sống riêng của nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn V.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, có xác nhận của Ban Giám đốc Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam, bị đơn là anh Nguyễn V trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh với chị Dương Thị H và thời điểm vợ chồng sống li thân đúng như chị H đã trình bày. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị H không còn nên anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh V thống nhất xác định vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2010, hiện nay đang ở với chị H. Anh chị đều thống nhất quan điểm khi vợ chồng ly hôn sẽ giao cháu K chị H nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về con riêng: Chị H và anh V thống nhất xác định vợ chồng không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị H, anh V thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự đều đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Dương Thị H: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn V. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2010 cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được, anh Hùng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị H và anh V mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, chị H được nhận lại số tiền 225.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn là chị Dương Thị H và bị đơn là anh Nguyễn V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn V là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 30/11/2009 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V ham chơi và bị nghiện ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi, chửi nhau, từ đầu năm 2015 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng li thân nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến tình cảm và cuộc sống của nhau nữa. Nay cả chị H và anh V cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa chị H và anh V thực sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh V là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị H và anh V có một con chung là Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2010, hiện nay đang ở với chị H. Cả chị H và anh V đều có quan điểm khi ly hôn sẽ giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Xét quan điểm này của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] *Về con riêng; tài sản chung; tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp:* Chị H và anh V cùng thống nhất xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí:* Chị H và anh V thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Nguyễn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng K, sinh ngày 04/12/2010 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, lao động tự lập được. Anh V không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con theo sự tự nguyện của chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K.

3. Án phí:

- Chị Dương Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000126 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm). Hoàn trả lại cho chị H số tiền 225.000 đồng.

- Anh Nguyễn V phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo